

# DỊCH NÔM KINH ĐIỂN VỚI GIÁO DỤC NHO HỌC Ở VIỆT NAM: KHẢO CỨU TỪ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC DỊCH NÔM KINH THƯ

Đỗ Thị Bích Tuyền, Vũ Việt Bằng

*Viện Nghiên cứu Hán Nôm*

**Tóm tắt:** Trong lịch sử giáo dục khoa cử ở Việt Nam, sách kinh điển của Nho gia lưu hành và phổ biến dưới nhiều hình thức, như: in, sao chép; tiết yếu, toát yếu; tập chú, tập giải, diễn nghĩa, dịch Nôm, ... Những hình thức này đều có chung mục đích là lưu truyền và phổ biến sách kinh điển đến các tầng lớp nho sĩ Việt Nam, giáo dục, định hướng con người theo tư tưởng của Nho gia. Bài viết giới thiệu về một số phương thức dịch Nôm gồm diễn nghĩa và diễn ca sách Kinh Thư, một bộ sách quan trọng của kinh điển Nho gia, trong hệ thống sách phục vụ cho giáo dục ở Việt Nam thời Trung đại, nhằm cung cấp cho người đọc hiểu về phương thức mang yếu tố bản địa và tư duy của người Việt trong việc tiếp nhận kinh điển từ Trung Quốc, được diễn ra từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX.

**Từ khoá:** Dịch Nôm, giáo dục, kinh điển, kinh thư, khoa cử, Nho học.

Nhận bài ngày 10.04.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.06.2024

Liên hệ tác giả: Đỗ Thị Bích Tuyền ; Email: bichtuyenhn@yahoo.com

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh điển Nho gia được lưu truyền vào Việt Nam từ rất sớm và có vị trí quan trọng kể từ khi chế độ khoa cử được xác lập tại Việt Nam (từ năm 1075). Sử sách nước nhà từng ghi nhận, các bậc đế vương thời quân chủ khi chấn hưng nền giáo dục, thường ra lệnh cho học tập sách kinh điển Nho gia, dùng sách kinh điển làm tài liệu học tập và khoa cử, chính vì thế đã nhiều truyền lệnh cho phiên dịch kinh điển ra chữ Nôm để giảng tập cho các sĩ tử. Từ nhu cầu đó, các nhà nho Việt Nam đã hình thành hệ thống các tác phẩm luận giải, diễn dịch kinh điển dưới các hình thức “diễn nghĩa”, “giảng nghĩa”, “tiết yếu”, “giải âm”, “diễn ca”, “quốc âm”,... có khi sử dụng chữ Hán, khi sử dụng chữ Nôm. Khi sử dụng chữ Nôm để diễn nghĩa hay diễn ca kinh điển, chúng tôi tạm gọi chung là dịch Nôm kinh điển. Đây là phương thức mà người Việt tiếp nhận kinh điển Nho gia theo tư duy của người Việt đã thực sự tạo nên đặc điểm riêng cho nền kinh học Việt Nam. *Thông qua việc dịch Nôm kinh điển (trong đó nhấn mạnh vào dịch Nôm sách Kinh Thư), ngoài việc hiểu rõ nghĩa lý kinh điển, còn là phục vụ việc giảng dạy, thi cử. Đó cũng là con đường ngắn nhất, gần nhất để các thế hệ nhà nho người Việt tiếp cận với kinh điển và truyền bá rộng rãi trong các tầng lớp nho sĩ và truyền dạy cho học trò.*

*Nội dung bài viết giới thiệu một số phương thức dịch Nôm gồm diễn nghĩa và diễn ca sách Kinh Thư, một bộ sách quan trọng của kinh điển Nho gia, trong hệ thống sách phục vụ cho giáo dục ở Việt Nam thời Trung đại, nhằm cung cấp cho người đọc hiểu về phương*

*thức mang yếu tố bản địa và tư duy của người Việt trong việc tiếp nhận kinh điển từ Trung Quốc, được diễn ra từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX.*

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Kinh điển nho gia với giáo dục khoa cử thời xưa

Khi Sĩ Nhiếp truyền bá nho học, cũng là khi Lễ Nhạc chính thức được lưu hành trong các giai tầng xã hội Việt Nam. Kinh điển Nho gia từ đó trở thành điểm hội tụ của văn hóa Việt. Sử thần Ngô Sĩ Liên (2012) đánh giá công trạng của Sĩ Nhiếp như sau: “Nước ta thông thi thư, học lễ nhạc, làm một nước văn hiến, là bắt đầu từ Sĩ Vương, công đức ấy không những chỉ ở đương thời mà còn truyền mãi đời sau, há chẳng lớn sao?” [1, tr.164] Chính vì thế, Sĩ Nhiếp được tôn là *Nam Giao học tổ* và được thờ phụng tại vùng đất Luy Lâu cổ (Bắc Ninh ngày nay).

Trong lịch sử, đời nhà Lê (1428-1527) độc tôn Nho thuật, vua Lê Thánh Tông là người coi trọng Nho học, lần đầu tiên cho đặt chức Ngũ kinh Bác sĩ với mục đích nhằm cải biến tình trạng nho sĩ coi trọng Thi Thư mà xem thường kinh sách khác. *Đại Việt sử ký toàn thư* (2012) chép: “Bắt đầu đặt Ngũ kinh Bác sĩ. Bấy giờ các Giám sinh học *Kinh Thi, Kinh Thư* thì nhiều, học Lễ Ký, Chu Dịch, Xuân Thu thì ít, cho nên đặt chức Ngũ kinh bác sĩ, mỗi người chuyên nghiên cứu một kinh để dạy học trò” [2, tr.417]. Cũng năm đó, “ban cấp cho in sách Ngũ kinh của nhà nước cho Quốc tử giám, theo lời tâu của Bí thư giám Học sinh Vũ Vĩnh Trinh. Sai Quyền Thượng bảo Tự khanh Dương Tông Hải và Thông chính ty Tả thừa Nghiên Nhân Thọ dạy các quân Kiêu Dững, Binh Mã đọc sách” [2, tr.418].

Sang đến nhà Hậu Lê (1533-1788), đã từng có nghị bàn về việc tôn sùng Kinh học, thân sức các Nho sinh phải học thuộc kinh sử. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (1998) ghi rằng: “Năm Vĩnh Khánh thứ 4 (1732), bản định tôn sùng kinh học. Phủ liêu bản định rằng: Sách vở thánh hiền là ông tổ văn chương. Gần đây theo lối học thuộc lòng: người đọc sách *Kinh*, sách *Truyện* chuyên sưu tầm tiểu chú mà phần nhiều bỏ sót chính văn; người đọc sách *Sử* thì thiệp liệt sách ngoài mà quên mất *Cương mục*. Học thuật thô sơ lỗ mãng. Cần phải gia công chấn chỉnh để thay đổi tập tục của sĩ phu. Bèn sức rõ cho các học trò: hết thầy phải học thuộc chính văn sách *Kinh*, sách *Truyện*, ngoài ra, về phần tập chú, tiểu chú, thì chọn bài nào tính tùy sẽ đọc. Đến như sách *Tả truyện* và *Thông giám Cương mục* cần phải thuộc kỹ. Chấn chỉnh lại như thế, để học trò biết phương hướng mà theo” [3, tr.817].

Theo tác giả Phan Thúc Trục (2009), Triều đình nhà Nguyễn, từ khi vua Gia Long lên ngôi, từ năm 1802 về sau, đã kế thừa truyền thống coi trọng giáo dục kinh điển của các triều trước, nhà vua đã từng “phái 2 quan Thị giảng, 8 quan Hàn Lâm thị học, 6 quan Quốc học thị học, hàng ngày sớm tối cùng các quan Đốc học tụ tập nhà Thái học đường để giảng tập Kinh sử. Phạm hành vi ngôn luận của Đông cung, quan Thị học phải ghi lại, hàng tháng dâng lên một lần để xem tiến bộ của đức nghiệp” [4].

*Kỳ thi nho học cuối cùng của Việt Nam kết thúc vào năm 1919, đều lấy kinh điển nho gia làm đề bài. Điều đó cho thấy, các bậc đế vương thời quan chủ Việt Nam đều coi trọng việc vận dụng kinh điển trong giáo dục khoa cử nước nhà.*

### 2.2. Các hoạt động dịch Nôm kinh điển và dịch Nôm Kinh Thư trong lịch sử

Trong lịch sử giáo dục, hoạt động dịch Nôm kinh điển Nho gia được diễn ra từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX. Thời Hồ, Hồ Quý Ly (thế kỷ XV) cho dịch thiên Vô Dật trong Kinh Thư ra quốc ngữ (tức chữ Nôm), nhưng rất tiếc hiện nay không còn lưu được văn bản đó. Tuy nhiên, đây được coi là dấu mốc lịch sử, đánh dấu thời kỳ khởi đầu của hoạt động diễn dịch kinh điển Nho gia theo ý thức hệ văn tự và ngôn ngữ dân tộc. Sự kiện này, Đại Việt sử kí toàn thư (2012) ghi như sau: “Mùa hạ, tháng 4 năm Quang Thái thứ 8 (1395), xuống chiếu cho Quý Ly được ở nhà bên hữu sảnh, đài gọi là "Họa lu". Quý Ly nhân biên chép thiên Vô dật, dịch ra quốc ngữ để dạy Quan gia, mệnh lệnh ban ra thì xưng là Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế” [2, tr.190].

Vô dật là một thiên trong sách Thượng thư (Kinh Thư) được coi do Chu Công Đán soạn ra để răn dạy Thành Vương nhà Chu. Vô dật có nghĩa là chớ có lười biếng, an nhàn. Nội dung của thiên này đại ý nói lên việc người làm vua phải nên chăm lo chính sự, hiểu nỗi khó nhọc của dân, không nên đánh thuế nặng,...

Ngoài ra, cũng trong giai đoạn đó, Hồ Quý Ly còn cho dịch Nôm Kinh Thi. Sử ghi như sau: “Tháng 11 [năm Quang Thái thứ 9 (1396)], [Hồ] Quý Ly làm sách Quốc ngữ Thi nghĩa và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử” [2, tr.192].

Theo ghi chú của người dịch bộ sử ký này, Quốc ngữ Thi nghĩa có lẽ là một bản “giải thích Kinh Thi bằng Quốc ngữ hay dịch Kinh Thi ra Quốc ngữ (chữ Nôm)”. Dù tư liệu này hiện không còn giữ được, nhưng ghi chép về nó cho thấy Kinh Thi đã được dịch làm tài liệu để giáo dục những phụ nữ có địa vị cao trong xã hội, một động thái chứng tỏ nhà cầm quyền đương thời đã có ý thức mở lớp dạy học để giáo dục nữ giới trong triều đình về nền nếp nghi gia.

Như vậy, hoạt động phiên dịch kinh điển bằng chữ Nôm đã được diễn ra từ thế kỷ XV. Diễn Nôm, dịch Nôm là một bộ phận khá quan trọng trong xu hướng bản địa hóa các yếu tố văn hóa, học thuật có nguồn gốc nước ngoài nói chung (chủ yếu là Trung Quốc). Việc dùng chữ Nôm để diễn dịch các tác phẩm Phật học thời Lý – Trần, như dịch tác phẩm Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh đánh dấu giai đoạn xuất hiện của chữ Nôm, sử dụng chữ Nôm trên văn bản, và là sự khởi đầu cho nhu cầu tư duy bằng tiếng Việt. Chính vì thế dịch Nôm kinh điển Nho gia từ thế kỉ XV trở về sau được xem là mốc đánh dấu cho bước phát triển của văn Nôm và các thể thơ Nôm thời trung đại Việt Nam.

Theo tác giả Đỗ Thị Bích Tuyền (2015), Triều Tây Sơn, vua Quang Trung lệnh cho La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp phiên dịch Kinh Thi bằng chữ Nôm [5, tr.104-123]. Trong bản Chiếu truyền của vua Quang Trung, có lời ban khen cho thầy trò Thư viện Sùng Chính. Chiếu viết: "Chiếu cho Sùng chính Thư viện Viện trưởng La Sơn Tiên sinh Nguyễn Khải Xuyên được biết: Nguyên kỳ trước diễn dịch các sách Tiểu học đã đệ tiến nộp, kỳ này diễn dịch Tứ thư đã xong. Cộng được 32 tập, Trần quan đã chuyển đệ về Kinh tiến nộp. Trẫm đã từng xem, Tiên sinh giảng bàn phụ diễn kể đã chăm chỉ? Những viên giúp việc là Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, Phan Tố Định, Bùi Dương Lịch đều có công. Vậy đặc ban thưởng công tiền 100 quan do Trần quan chiếu theo mà cấp, lĩnh để chung hưởng ân tứ. Khi xong công việc bộn bề, Trẫm nghỉ ngơi, vui ý đọc sách. Tiên sinh học vấn uyên bác, nên vì Trẫm mà phát huy những ý thư, khiến cho bổ ích thêm.

Nay chiếu giao Tiên sinh việc giải thích ba kinh: *Thi, Thư, Dịch*. Thể theo kinh văn và tập chú mà lấy từng chữ, từng câu diễn ra *quốc âm*, cứu xét tinh tường, để đọc cho hay,...

Quang Trung năm thứ 5 ngày 01 tháng 6 (1792)” [6].

“Diễn ra quốc âm” tức là diễn ra chữ Nôm để phục vụ cho công cuộc giáo dục của triều đình, được làm rất khẩn trương và được giao cho các vị hàn lâm như tờ chiếu đã viết. Tờ chiếu truyền việc dịch sách ban ra chừng khoảng cuối năm Quang Trung thứ 4 (1791), mà theo tờ truyền của triều đình (đề ngày 14 tháng 4 nhuận (1792) thì các sách *Tiểu học* và tiếp đó là các sách *Tứ thư* cũng đã dịch xong, được nhà vua đọc và khen thưởng. Rồi lại xuống chiếu để dịch tiếp *Kinh Thư, Kinh Thư, Kinh Dịch*.

*Như vậy triều đại nào cũng coi trọng việc dịch Nôm kinh điển của nho gia, lấy đó làm phương châm, định hướng cho đường lối cai trị và giáo dục khoa cử.*

Tác giả Đỗ Thị Bích Tuyền (2021) với nghiên cứu: “*Tìm hiểu hiện tượng Quốc phong ca dao cổ Việt Nam: Khảo cứu từ tư liệu Hán Nôm*” cho thấy, trong học phong khu vực, xu hướng Kinh học hóa từng được nhà nho Việt Nam áp dụng trong việc dịch ca dao cổ Việt Nam ra chữ Hán theo thủ pháp Kinh Thi (theo thể phú, tỉ, hứng) [7, tr.15-29]. Phương thức dịch Nôm kinh điển là hiện tượng bản địa hóa, nằm trong học phong vốn là văn hóa phiên dịch và văn hóa in ấn kinh điển. Những hiện tượng diễn dịch từ chữ Hán sang chữ Nôm có thể coi là hiện tượng dịch thuật đầu tiên và để lại nhiều dấu ấn nhất trong nền văn hiến Đại Việt.

Tác giả Phạm Văn Khoái (2015) gọi dịch Nôm kinh điển là “dùng chữ Nôm để diễn dịch kinh điển là sự khắc phục rào cản trong việc tiếp nhận kinh điển, đó chính là Việt hoá âm đọc chữ Hán và dùng tiếng Nôm để giảng nghĩa. Ngoài việc phục vụ cho việc giáo dục khoa cử, khi diễn nghĩa, giải âm kinh điển Nho học bằng chữ Nôm tiếng Nôm là cả một tiến trình, gắn liền với sự xác lập nền tự chủ của đất nước cũng như sự hoàn thiện các thiết chế nhà nước” [8, tr.29].

*Chỉ tính riêng kinh điển Ngũ kinh (gồm Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu) chúng tôi khảo cứu được có rất nhiều bản dịch Nôm, trong đó Kinh Thư là một sách nằm trong Ngũ kinh của nho gia. Hiện nay, tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu trữ được nguồn thư tịch Ngũ kinh với vài chục bản, đây là minh chứng rất rõ cho vị trí của nó trong giáo dục khoa cử Việt Nam và sự ảnh hưởng của Ngũ kinh đối với đời sống xã hội Việt Nam, đặc biệt là phương diện văn hóa Hán Nôm. Trên thực tế chỉ có Ngũ kinh đại toàn với tư cách là đại diện của Chu Tử học mới có ảnh hưởng trực tiếp ảnh hưởng sâu rộng đến tầng lớp trí thức Nho học Việt Nam, nhưng dù vậy các thư tịch Ngũ kinh khác cũng có ít nhiều tác động đến tri thức, nhận thức của một bộ phận người theo học Nho giáo. Để thuận tiện cho người học, bộ Ngũ kinh đại toàn đã được tiết yếu, sau khi tiết yếu lại được diễn nghĩa. Nhờ đó mà thư tịch nho giáo Hán Nôm ngày càng phát triển, góp phần thúc đẩy giáo dục khoa cử Việt Nam phát triển.*

*Kinh Thư*, còn được gọi với các tên gọi khác như là *Thư, Thượng thư*, trên thực tế là những văn kiện chính trị thời thượng cổ của Trung Quốc. *Kinh Thư* là tuy không phải là sản phẩm trực tiếp của nho gia, nhưng là một trong những kinh điển quan trọng của nho gia, thuộc bộ sách *Ngũ kinh*, là những tư liệu văn hiến cổ, được chỉnh lý qua nhiều thế hệ, trong đó nho gia có nhiều đóng góp quan trọng. *Kinh Thư* là cái tên xuất hiện muộn, bắt đầu từ

thời nhà Hán, khi Nho học được độc tôn, và điển tịch này cũng được tôn lên hàng kinh điển. Tuy nhiên, tên gọi này không phổ dụng bằng cách gọi là *Thượng thư*.

Lê Quý Đôn trong *Thư kinh điển nghĩa* đã viết: “Trị thiên hạ không thể không có chính sự. Mà xưa nay làm chính sự, thường căn cứ ở Thượng Thư,...”. Học trò của Lê Quý Đôn là Lý Trần Quán khi đề *Bạt* cho cuốn sách này cũng đã viết: “Học thuật và chính sự không thể chia thành hai lĩnh vực khác nhau. *Kinh Thư* ghi lại chính sự của hai đời Đế, ba đời Vương, mà tâm pháp truyền thụ đều do từ học thuật mà đến” [9, tr.8]. Theo nhận xét của dịch giả cuốn sách này, Lê Quý Đôn là người đầu tiên có sách riêng bàn về *Kinh Thư*, và tính chất của cuốn sách này thực ra không phải là “*điển nghĩa*” mà là bình giảng kinh truyện, và cần phải coi *Thư kinh điển nghĩa* là một tác phẩm kinh học riêng, chứ không chỉ là lời chú giải bắt buộc phải kèm theo của chính văn *Kinh Thư* nữa.

Bản thân chữ nghĩa trong *Kinh Thư* được Hàn Dũ nhận xét là “*cật khuất ngao nha*” tức là trúc tra trúc trắc. Chính vì đặc điểm như vậy, việc giải độc sách này cũng gây khó khăn cho người học. Khi đó, dịch Nôm được xem là một trong những phương thức hữu hiệu để giúp người học dễ tiếp cận với kinh điển nho gia và vận dụng trong đời sống.

Nguyễn Quang Hồng (2008) trong *Khái luận văn tự học chữ Nôm* giới thiệu một số bản dịch kinh điển được giải âm sang văn xuôi chữ Nôm như *Thi kinh đại toàn tiết yếu điển nghĩa*, *Thư kinh đại toàn tiết yếu điển nghĩa*, *Ngũ kinh tiết yếu điển nghĩa* do Bùi Huy Bích biên soạn, nhà in Đa Văn đường khắc in,... và cho rằng, mục đích dịch kinh điển là: Đó là những kinh bản của Nho gia được diễn Nôm để dễ bề tiếp cận với các nho sinh và dân chúng. Vì Nho học không hẳn là tôn giáo mà có phần rõ rệt hơn là một hệ thống quan niệm đạo đức và chính trị chính thống trong xã hội nước ta trước kia, chính vì thế, việc dịch Nôm kinh điển cũng không nằm ngoài mục đích đó [10, tr.408-409].

### 2.3. Một số phương thức dịch Nôm Kinh Thư

Cùng với sự phát triển và hoàn thiện của chữ Nôm, dạng chữ ghi lại ngôn ngữ của dân tộc, thì những dạng văn bản trúc tra trúc trắc, khó đọc, khó hiểu như *Kinh Thư* đã được các học giả Việt Nam sử dụng chữ Nôm để diễn nghĩa (sau khi đã tiết nghĩa kinh văn - tức chính văn) và diễn ca theo thể thơ lục bát (thể thơ mang tính bản địa). Bài viết giới thiệu 2 phương thức dịch Nôm *Kinh Thư* là phương thức *điển nghĩa* và *diễn ca*, để làm rõ vai trò của việc dịch Nôm *Kinh Thư* trong lịch sử giáo dục Việt Nam.

#### 2.3.1. Điển nghĩa Kinh Thư

Giải Nôm, diễn Nôm, giải dịch quốc ngữ là kiểu định danh tác phẩm theo ngôn ngữ dịch. Ca khúc, quốc ngữ ca, ngâm khúc, giải ca, diễn âm ca, quốc âm ca, diễn ca... là kiểu định danh tác phẩm theo thể loại văn học (chủ yếu là thể thơ lục bát và song thất lục bát). Trong quá trình khai thác di sản Hán Nôm, hầu như chỉ có các tác phẩm văn vần được chú ý phiên âm và nghiên cứu, trong khi đó các tác phẩm văn xuôi lại chưa được quan tâm đúng mức.

Về việc dịch Nôm *Kinh Thư* theo phương thức điển nghĩa, qua khảo cứu, chúng tôi giới thiệu qua văn bản *Thư kinh đại toàn tiết yếu điển nghĩa* được in trong bộ tổng tập *Ngũ kinh tiết yếu điển nghĩa* kí hiệu AB.539/1-12 lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Đây là văn bản khắc in của dòng họ Bùi (Bùi Huy Bích) có niên đại đời Nguyễn, nằm trong hệ thống sách *Tiết yếu* gắn với “Bùi thị nguyên bản”, là hệ thống kinh điển Nho gia phục vụ trực tiếp

cho giáo dục và khoa cử, phổ biến như một dạng sách giáo khoa cho sĩ tử học tập ở triều Nguyễn.

*Tiết yếu* được định nghĩa: thứ nhất là hệ thống thư tịch chuyên phục vụ cho khoa cử “節要者，科舉之學也*Tiết yếu giả, khoa cử chi học dã.*”; thứ hai chúng gắn liền với “Bùi thị” (người dòng họ Bùi) “節要者，裴氏原本也 *Tiết yếu giả, Bùi thị nguyên bản dã.*

Mặt khác, trong bài tựa bộ *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa*, in năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), ghi: “Khoa cử được đặt ra từ trước. Đã có khoa cử thì sẽ có văn chương khoa cử. Đã có văn chương khoa cử, ắt sẽ có sự học khoa cử. *Tiết yếu* là cái học của khoa cử vậy. Thế nhưng, văn chương truyền tải đạo lý trong *Ngũ kinh, Luận ngữ, Mạnh Tử* đều là chỗ quan trọng, vì sao lại tiết lược? Các nhà đều có bản riêng, mà tìm chỗ huân hũ, giải thích chính xác, rõ ràng, dẫn dụ bao quát, phổ bác, thì bản của nhà Bùi thị thực đáng lựa chọn. Trước đã san xong *Tứ thư*, nay lại lấy *Ngũ kinh* mà san khác, để chúng cùng lưu hành trong thế gian, gọi “*tiết yếu*” đó là tên vậy. Còn cái học nghĩa lý, sách này nào dám?”.

Về bố cục cách trình bày, văn bản *Thư kinh đại toàn tiết yếu diễn nghĩa* vì có nội dung chú giải mang tính kinh học, nên trên bình diện văn bản học cũng mang đặc điểm của văn bản kinh học. Phần chú giải ở đây thực chất là diễn nghĩa bằng chữ Nôm, được trình bày ngay sau đơn vị câu/ngữ nguyên văn kinh điển. Phần diễn nghĩa này được trình bày bằng chữ nhỏ theo bố cục lưỡng cước ngay sau đơn vị kinh điển. Nguyên văn được trình bày bằng chữ to, phần chú thích lưỡng cước có đoạn diễn nghĩa bằng chữ Nôm, có đoạn chú thích chữ Hán. Những đoạn chú thích chữ Hán thường có nội dung kinh học, mang tính hàn lâm, như tổng quát, tổng kết, bao quát nội dung, lịch sử chương mục,...

Ví dụ: Diễn nghĩa thiên *Vô dật* (tiết yếu) trong *Thư kinh đại toàn tiết yếu diễn nghĩa*:

	<b>Chính văn tiết yếu (phiên âm Hán Việt)</b>	<b>Diễn nghĩa bằng chữ Nôm</b>
[31b]	Chu công viết: Ô hô! quân tử sở kỳ vô dật.	<i>Ông Chu Công gửi vua Thành Vương rằng: Hỡi ôi, đáng quân tử có chốn ở an sở là tại điều chẳng có lỗi chi.</i>
[32a]	Tiên tri giá sắc chi gian nan, nãi dật, tắc tri tiên nhân chi y.	<i>Trước biết việc cấy gặt chừng khó nhọc, bèn biết đường ở khi đói dãi, thì mới biết việc cấy gặt là dân nhỏ chừng sở nương.</i>
[32b]	Tướng tiểu nhân, quyết phụ mẫu cần lao giá sắc; quyết tử nãi bất tri giá sắc chi gian nan nãi dật, tắc vũ quyết phụ mẫu viết: Tích chi nhân vô văn tri.	<i>Xem kẻ dân nhỏ, sở cha mẹ nó khổ nhọc cấy gặt, mà sở con nãi chừng biết việc cấy gặt chừng khó nhọc, bèn dong chừng đói dãi, người sở cha mẹ nó rằng chừng người già cả đời xưa chẳng có nghe biết điều chi.</i>
[33a]	Ô hô! Ngã văn viết: Tích tại Ân vương Trung tông, nghiêm cung dãn úy. Thiên mệnh tự độ.	<i>Xem kẻ dân nhỏ, sở cha mẹ nó khổ nhọc cấy gặt, mà sở con nãi chừng biết việc cấy gặt chừng khó nhọc, bèn dong chừng đói dãi, người sở cha mẹ nó rằng chừng</i>

		<i>người già cả đời xưa chẳng có nghe biết điều chi.</i>
[33a]	Ô hô! Ngã văn viết: Tích tại Ân vương Trung tông, nghiêm cung dần ứ. Thiên mệnh tự độ.	<i>Hỡi ôi, ta nghe rằng, xưa ở đời vua nhà Ân có vua Trung Tông nghiêm kính, kính đại, lấy nhẽ trời nghĩ làm mặc sở mệnh.</i>
	Trị dân chi cụ, bất cảm hoang ninh.	<i>Khi trị dân thì biết đường kính sợ, chẳng cảm trễ an.</i>
	Tứ Trung tông chi hưởng quốc thất thập hữu ngũ niên.	<i>Vậy vua Trung Tông chung hưởng tộ nhà nước 70 lẻ 5 năm.</i>
[33b]	Kỳ tại Cao Tông thời, cựu lao vu ngoại, viên kỳ tiểu nhân. Tác kỳ tức vị.	<i>Sở ở thời vua Cao Tông, sở cũ chịu nhọc chung ngoài dân gian, bèn cập dân nhỏ làm ăn, sở đến ngày lên ngôi.</i>
	Lượng âm tam niên bất ngôn, ngôn nãi ung bất cảm hoang ninh.	<i>Ở nhà Lượng âm ba năm chẳng nói, nói hoà thuận, chẳng dám trễ an.</i>
	Gia tĩn Ân bang, chi vu tiểu đại vô thời hoặc oán.	<i>Làm được tốt yên nước nhà Ân, đến chung bước nhỏ bước lớn chẳng có ai ý là hoặc có hèn vậy.</i>
	Tứ Cao Tông chi hưởng quốc, ngũ thập hữu cửu niên.	<i>Vua Cao Tông chung hưởng tộ nhà nước 50 lẻ 9 năm.</i>

Căn cứ vào nguyên văn chính văn thiên *Vô dật*, nếu để theo nguyên tác (chưa tiết yếu) thì phần phiên dịch phải chiếm 5 trang sách. Tuy nhiên, sau khi chính văn tiết yếu, phần diễn nghĩa chỉ tương ứng 1 trang sách.

Như vậy, phần dịch Nôm này không nhằm khảo cứu văn bản, hay các vấn đề văn tự mà chủ yếu chủ yếu nhằm vào nghĩa lí của kinh điển. Cấu trúc văn bản in theo lối song hành văn tự Hán và Nôm, mà không có có phần dịch Nôm độc lập. Điều đó cho thấy, đây là cuốn sách phục vụ tốt cho việc học hành, thi cử hơn là một bản dịch độc lập, hoàn chỉnh. Đây cũng là phương pháp dịch chung với các loại văn bản kinh điển, không riêng gì *Kinh Thư*, và thuộc về phương pháp diễn dịch thời trung đại ở Việt Nam khi mà bối cảnh văn hoá song ngữ (Hán và Nôm) mang tính đặc trưng của thời kỳ này.

Tác giả Nguyễn Kim Sơn (2015), *Hoạt động diễn dịch Hán Nôm kinh điển Nho gia của các nhà Nho Việt Nam: Phân tích từ góc độ mục tiêu và bản chất*, in trong *Kinh điển Nho gia tại Việt Nam* đã chỉ ra, xét về mặt cấu trúc trình bày song hành văn tự Hán và Nôm (chữ Hán khắc to, chữ Nôm khắc nhỏ), có thể nhận thấy, việc dịch nghĩa bằng chữ Nôm vẫn bị xem là thứ yếu sau văn bản chữ Hán, như là phần thêm vào. Xét ở góc độ tác phẩm dịch, chỉ được xem như “một phần diễn giảng hơn là một tác phẩm dịch độc lập” [11, tr.29].

Tuy nhiên, trong giáo dục khoa cử, các phương thức tiết yếu rồi diễn nghĩa (bằng chữ Nôm) lại giúp cho người học dễ nắm được cương yếu, nghĩa lí của *Kinh Thư*. Người học học kinh điển và học đạo trị quốc (sau khi học xong), tức là người học vận dụng được cả hai kỹ năng: Học và hành.

### 2.3.2. *Diễn ca Kinh Thư*

Khác với loại diễn nghĩa kinh điển được trình bày theo kiểu song ngữ, một đoạn kinh văn (chính văn - chữ Hán) một đoạn diễn nghĩa (chữ Nôm) thì diễn ca là hình thức thoát ly văn bản chính văn kinh điển, thể hiện tính độc lập như một sản phẩm “tái trước tác”, nghĩa là trước tác lại tác phẩm.

Về thể loại diễn ca có hình thức thể hiện bằng văn tự Nôm và chỉ được thể hiện bằng hai thể thơ của Việt Nam là lục bát và song thất lục bát.

Về cụm từ diễn ca, trong kho di sản Hán Nôm có những văn bản có tên mang cụm từ diễn ca xuất hiện khá nhiều và ở nhiều lĩnh vực khác nhau như văn học, lịch sử, y học, giáo dục, diễn ca sách kinh điển, như *Quy khứ lai từ diễn ca*, *Kinh truyện diễn ca*, *Quốc phong thi diễn ca*, *Đại Nam quốc sử diễn ca*... Có thể thấy các tác phẩm diễn ca đều viết bằng chữ Nôm theo thể lục bát.

Trong nội dung này, chúng tôi giới thiệu phương thức diễn ca *Kinh Thư* trong văn bản *Kinh truyện diễn ca* và *Thi Thư kinh điển ca*.

(1) *Kinh truyện diễn ca*, ký hiệu VNV.144, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm là một tác phẩm của Phạm Đình Toái, học giả nổi tiếng với các tác phẩm diễn ca lịch sử và diễn ca kinh điển. Về tác giả, theo sách *Tên tự, tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam* của tác giả Trịnh Khắc Mạnh (2019) [12, tr.409-410] thì Phạm Đình Toái (范廷粹), chưa rõ năm sinh, năm mất, tên tự là Thiếu Du, người xã Quỳnh Đồi, huyện Quỳnh Lưu, trấn Nghệ An, đỗ Cử nhân năm Nhâm Dần, niên hiệu Thiệu Trị thứ 3 (1843). Phạm Đình Toái từng giữ các chức: Án sát Bình Định, Bố Chánh, Hiệp lý Thương trường, Án sát Sơn Tây, Hàn lâm Điện tịch, thăng hàm Chánh ngũ phẩm, Hồng lô Tự khanh. Về các tác phẩm của ông, gồm: *Đại Nam quốc sử diễn ca* 大南國史演歌, *Trung Dung diễn ca* 中庸演歌, *Quốc âm từ điệu* 國音辭調, biên tập sách *Quỳnh Lưu tiết phụ truyện* 瓊琉節婦傳, diễn Nôm các sách: *Văn Vũ nhị đế cứu kiếp chân kinh dịch ca* 文武二帝救劫真經譯歌, *Quy khứ lai từ diễn ca* 歸去來辭演歌. Có thơ, văn trong các sách: *Hoan Châu bi ký* 驩州碑記, *Huân tục quốc âm ca* 訓俗國音歌,... Như vậy, Phạm Đình Toái là một tác gia có nhiều trước tác liên quan đến diễn ca kinh điển và lịch sử.

Trong lời tựa sách *Kinh truyện diễn ca*, Phạm Đình Toái thể hiện quan điểm rằng: “Từng thấy các bị tiền bối trước đây khi diễn dịch kinh văn như bài *Thất nguyệt* của *Kinh Thi*, thiên *Vũ Công* của *Kinh Thư*, *Phí ản* của *Trung Dung*, trong đó đôi chỗ có lời ca quyết, thể nhưng còn câu nệ vào chính văn, không có quy ước mà lời lẽ, vần điệu còn rườm rà, khiến cho người đọc chán ngán. Mà những chỗ khó hiểu trong các sách *Thi*, *kinh*, *truyện*, *Trung Dung* thì nhiều mà lại chưa giải quyết cho đến nơi được. Tôi không kể mình vụng về, bỉ lậu, có tham khảo mà diễn ca nối tiếp vào đó. Văn xét bản kinh gốc thì thiên “Vũ công” (*Kinh Thư*) mỗi châu đều có nói về đất, ruộng, phương thức thu thuế (công phú), thiên “Nguyệt lệnh” (*Kinh Lễ*) mỗi tháng đều ghi về mặt trời, tinh tú, tiết khí, từ vật mà phân chia chuyện chính sự, từ việc mà tham thố cho khỏi sai lầm, văn tự thì nhiều mà phức tạp, nếu có chỗ nào không rõ ràng, thì để đó mà xem có chỗ nào lặp lại (mà khảo), không chỉ riêng ở việc tụng đọc không tiện, mà việc ghi nhớ cũng khó khăn. Tôi bèn chia thành bốn chương gồm “Thổ - Điền - Công - Phú”; Các quy luật về mặt trời, tinh tú, mặt trăng cùng với bốn mùa, 12 tháng thành năm chương, rồi thì môn loại được rõ ràng, văn tự cũng

giản đơn, gọn gàng, giúp người đọc tránh khỏi hỗn loạn. Thiên “Thất nguyệt” thì rườm rà, thiên “Tiểu hung” thì khó thông, tôi cũng đều diễn ca ra cả”.

Chính vì thế trong *Kinh truyện diễn ca*, thiên *Vũ Cống* trong sách *Kinh Thư*, mục *Thổ*, được tác giả diễn ca như sau:

*Kí Châu bạch nhượng ở đầu,  
Duyệt Châu hắc phần khác màu thổ nghi.  
Bạch mà phần ấy thanh tri,  
Xích mà điền phần tham si là Tì.  
Đồ nê Dương với Kinh khư,  
Dự thì duy nhượng nha nhờ một [...], ...*

Lối diễn ca này chính là tóm lược ý của chính văn, tạo thành một văn bản độc lập để người đọc có một cách tiếp cận riêng với kinh điển.

(2) *Thi Thư kinh diễn ca*, kí hiệu AB.534, nội dung diễn ca *Kinh Thi*, *Kinh Thư* (bằng chữ Nôm). Văn bản chỉ ghi tác giả là Cổ Đô Nguyễn soạn (tức là người họ Nguyễn ở Cổ Đô soạn), do vậy chúng tôi khó xác định tên các giả. Trong phần diễn ca *Kinh Thư* được có đoạn như sau:

*Ngu thư kể lược năm thiên,  
Đầu thiên Nghiêu điển chép biên rành rành.  
Rằng Nghiêu tuấn đức khắc minh,  
Sửa nhà sửa nước tự mình suy ra.  
Kính thiên việc lược nói qua,  
Bốn mùa chia khiến Hy, Hòa sửa sang.  
Nhược thời nhược thái hoài nang,  
Tam tư, tam cử đều dàng chữa nên.  
Bảy mươi tuổi lễ cầm quyền,  
Minh dương lòng khắp tâm hiền nhượng thay.  
Hỏi thôi điều nhượng Thuấn rày,  
Vậy bèn Thuấn Điển thiên nay chép vào.*

Trên đây là nội dung thiên *Nghiêu điển* trong sách *Kinh Thư* được diễn ca theo thể lục bát. So với nội dung chính văn của *Nghiêu điển* thì tính chất của diễn ca chỉ dừng lại ở việc tóm lược nội dung. Phần *Ngu thư* gồm có năm thiên (*Nghiêu điển*, *Thuấn điển*, *Đại Vũ mô*, *Cao Dao mô*, *Ích Tắc*), trong đó nội dung của *Nghiêu điển* có đề cập đến đức độ và việc trị nước của vua Nghiêu.

Phương thức diễn ca trong văn bản này khác với phương thức diễn nghĩa trong *Thư kinh đại toàn tiết yếu diễn nghĩa* đã dẫn ở trên xét trên phương diện là một văn bản có nội dung ghi bằng chữ Nôm một cách độc lập. *Thư kinh diễn ca*, với mục đích rõ ràng là phục vụ cho giáo dục và khoa cử, bằng hình thức diễn ca để sâu chuỗi lại phần cương lĩnh của từng thiên/chương một cách cô đọng. Phần diễn Nôm này còn nhằm hỗ trợ cho người Việt tư duy bằng tiếng Việt để không quên mạch văn kinh sách khi thi cử. Đây cũng là một trong những lý do tạo nên nét độc đáo cho phần diễn Nôm của *Thư kinh diễn ca*.

## 2.4. Nhận xét chung

Chữ Nôm là văn tự do người Việt sáng tạo để ghi lại ngôn ngữ của dân tộc, là phương tiện truyền tải nội dung văn bản đơn giản và dễ hiểu đến phần đông học trò và dân chúng. Thể thơ lục bát có tính chất vần điệu, khiến cho người đọc dễ nhớ, dễ thuộc và có thể đọc lại, cũng là cách thức để phổ biến tri thức rộng rãi và lâu dài. Việc diễn nghĩa *Kinh Thư*, hay diễn ca *Kinh Thư* theo thể thơ lục bát được dùng trong giáo dục, có tính chất hỗ trợ cho người học bậc nhập môn, sơ học. “Diễn Nôm, đặc biệt là diễn thành dạng thơ, mục tiêu hàng đầu không phải để làm cho kinh văn dễ nhớ dễ thuộc, dễ lưu hành mà trước hết đó là con đường làm cho tư tưởng Nho gia phù hợp hơn với tư duy người Việt, nhu cầu tư duy tư tưởng, triết học bằng tiếng Việt, làm thỏa mãn trước hết cho chính những người thực hiện việc dịch Nôm này”.

Xét về khả năng ứng dụng thực tế, có thể thấy, việc dịch Nôm kinh điển Nho gia chủ yếu nhằm phục vụ giáo dục tiểu học về Ngữ văn và Hán văn kinh điển, tài liệu dịch trở thành sách giáo khoa dùng trong dạy và học, đóng góp cho nền giáo dục khoa cử thời xưa.

## 3. KẾT LUẬN

Diễn dịch kinh điển *Kinh Thư* thông qua phương tiện truyền tải là văn tự chữ Nôm, là những tri thức, sản phẩm của tầng lớp trí thức, một thể hệ nhà nho đã để lại trước tác dùng trong giáo dục khoa cử Việt Nam thời xưa. Sản phẩm này là sự kết tinh thành tựu dịch thuật và huấn thích kinh điển của các nhà nho Việt Nam qua nhiều thời kỳ, giúp cho các thế hệ nhà nho học hiểu thêm về việc tiếp nhận kinh điển nho giáo, khoa cử và giáo dục khoa cử ở Việt Nam và khu vực thời trung đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư (2012)*, Bản dịch, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư (2012)*, Bản dịch, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục (1998)*, Bản dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Phan Thúc Trực (2009), *Quốc sử di biên*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
5. Đỗ Thị Bích Tuyền (2015), *Vương triều Tây Sơn với việc phiên dịch kinh điển của Nho gia bằng chữ Nôm*, in trong sách *Kinh điển Nho gia tại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. *Tham khảo những công trình khảo cứu trong La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn (1998)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Đỗ Thị Bích Tuyền (2021), Tìm hiểu hiện tượng Quốc phong ca dao cổ Việt Nam: Khảo cứu từ tư liệu Hán Nôm, *Tạp chí Văn học*, số 8, tr.15-29.
8. Phạm Văn Khoái (2015), *Ngôn ngữ sống động cho sống động tư tưởng (hay vấn đề “chữ Nôm với kinh điển Nho gia”)*, in trong *Kinh điển Nho gia tại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Ngô Thế Long, Trần Văn Quyền (dịch) (1993), *Kinh Thư diễn nghĩa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Quang Hồng (2008), *Khái luận văn tự học chữ Nôm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Kim Sơn (2015), *Hoạt động diễn dịch Hán Nôm kinh điển Nho gia của các nhà Nho Việt Nam: Phân tích từ góc độ mục tiêu và bản chất*, in trong *Kinh điển Nho gia tại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

12. Trịnh Khắc Mạnh chủ biên (2019), Tên tự, tên hiệu tác gia Hán Nôm Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

**CLASSICAL NOM TRANSLATION WITH CONFUCIAN  
EDUCATION IN VIETNAM: A STUDY FROM SOME  
TECHNIQUES OF NOM TRANSLATION OF THE SCRIPTURES**

***Abstract:** Throughout the history of Confucian education in Vietnam, classic Confucian texts from China were disseminated and made popular through various techniques (woodblock printing and copying etc.) and under various forms (summaries, excerpts, commentaries, interpretations, explanations, and Nom translations etc). These techniques and forms shared a common goal: to transmit and popularize Confucian classics to different classes of Vietnamese Confucian scholars, guiding education and thought according to Confucian principles. This article introduces the methods of Nom translation, including both prose and verse explanations of the Book of Documents (Kinh Thư), an important Confucian classic, to explore a Vietnamese approach to classical education during the imperial examination system in medieval Vietnam.*

***Keywords:** Nom translation, education, Classics, the scriptures, imperial examinations, Confucianism.*